

Số: **18** /2022/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **04** tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tỷ lệ % để tính đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất có mặt nước và thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và các nghị định sửa đổi, bổ sung;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và các thông tư sửa đổi, bổ sung;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất); đơn giá thuê đất có mặt nước quy định tại Điều 10 Luật Đất đai; khung giá cho thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của Luật Đất đai.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước có liên quan.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất); đơn giá thuê đất có mặt nước; khung giá cho thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

1. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá như sau:

a) 0,5% (không phải năm phần trăm) đối với:

- Đất thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (trừ thị trấn Châu Thành và thị trấn Trà Cú);

- Đất thuộc khu kinh tế trên địa bàn tỉnh (trừ các phường thuộc thị xã Duyên Hải);

- Đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; đất thực hiện dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư;

- Đất thực hiện dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

b) 0,75% (không phải bảy mươi lăm phần trăm) đối với:

- Đất thuộc thị trấn Châu Thành, thị trấn Trà Cú;

- Đất thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (trừ các phường thuộc thành phố Trà Vinh, các phường thuộc thị xã Duyên Hải);

- Đất xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Đất thực hiện dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

c) 1% đối với đất thuộc địa bàn các phường thuộc thị xã Duyên Hải; phường 8, 9, thành phố Trà Vinh.

d) 1,5% đối với đất thuộc địa bàn các phường: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, thành phố Trà Vinh.

đ) Trường hợp xác định tỷ lệ phần trăm (%) có sự khác biệt giữa mục đích sử dụng đất và địa bàn thuê đất thì áp dụng tỷ lệ phần trăm (%) thấp hơn, có lợi cho tổ chức, cá nhân thuê đất.

e) Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư, đặc biệt ưu đãi đầu tư nêu tại các Điểm a, b, Khoản này theo quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

## 2. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm

a) Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định của Luật Đất đai, tiền thuê đất được xác định như sau:

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất bằng 15% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng.

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê bằng 20% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng.

b) Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt có thu tiền thuê đất thì số tiền thuê đất phải nộp của phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt thêm này được xác định theo quy định tại Điểm a khoản này.

## 3. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước bằng 70% đơn giá thuê đất hàng năm hoặc đơn giá thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

## 4. Khung giá thuê mặt nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Giá cho thuê mặt nước cụ thể cho từng dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

## **Điều 3. Quy định chuyên tiếp**

1. Đối với các trường hợp được nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đã được xác định đơn giá thuê đất và đang trong thời gian ổn định đơn giá thuê đất thì tiếp tục thực hiện đơn giá thuê đất đến hết thời gian ổn định đó. Hết thời gian ổn định đơn giá thuê đất thì thực hiện điều chỉnh đơn giá thuê đất theo quy định tại Quyết định này.

2. Đối với các trường hợp đến hạn điều chỉnh đơn giá thuê đất trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện điều chỉnh đơn giá thuê đất

thì việc xác định tỷ lệ % đơn giá thuê đất được thực hiện theo quy định tại thời điểm đến hạn điều chỉnh đơn giá thuê đất.

#### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và thay thế Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất có mặt nước và thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất có mặt nước và thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư Pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Báo Trà Vinh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình TV;
- LĐVP; các phòng, ban, Trung tâm thuộc VP;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, NN. 05

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quỳnh Thiện**